Cáp thép Severstal Metiz



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT P.T

Nhà phân phối cáp thép Severstal-metiz
Điện thoại: (0254) 3853 466 • Email: pt.co.vnn@gmail.com

Danh mục cáp thép theo ngành và thông tin lựa chọn sản phẩm
Dầu khí • Cảng biển • Nâng hạ • Khai khoáng

Kính gửi Quý Khách hàng,
Chúng tôi trân trọng giới thiệu các dòng cáp thép Severstal-metiz mà Công ty TNHH Kỹ thuật P.T đang phân phối. Hồ sơ này giúp Quý Khách hàng nhận diện nhóm sản phẩm, đối chiếu nhu cầu thiết bị và gửi yêu cầu lựa chọn cáp, báo giá theo cấu hình cụ thể.

Danh mục bao gồm cáp chuyên dụng cho giàn khoan, cần cẩu, thang máy, cáp treo, khai khoáng; cùng cáp hàng hải, hạ tầng, cáp xoắn và cáp thông dụng.

Mời Quý Khách gửi mã cáp đang sử dụng hoặc thông số thiết bị để trao đổi phương án cung ứng phù hợp.

Thông tin kỹ thuật được biên soạn theo catalogue đính kèm. Tình trạng hàng, giá, tiến độ, hồ sơ chứng nhận và phạm vi dịch vụ được xác nhận trong từng báo giá.

Tìm sản phẩm theo ứng dụng

Nhu cầu	Dòng sản phẩm	Trang hồ sơ
Giàn khoan và thiết bị dầu khí	Octopus	3
Cần cẩu và thiết bị nâng hạ	Anaconda	4
Khai thác mỏ và máy xúc	Talpa	5
Cáp tải và cáp bộ hạn chế tốc độ thang máy	Alerion	6
Cáp treo và zipline	Triniks	7
Hàng hải và đánh bắt thủy sản	Cáp hàng hải	8
Hạ tầng đường bộ và kết cấu chuyên dụng	Cáp hạ tầng và cáp kín	8
Cáp xoắn và cáp thép thông dụng	1x7 đến 8x36WS	9
Sling và phụ kiện đầu cáp	Sản phẩm nâng hạ theo yêu cầu	10

Cơ sở sản xuất được giới thiệu trong catalogue

Severstal-metiz là nhóm doanh nghiệp của Severstal tại Nga. Catalogue giới thiệu hơn 100 loại cáp thép và hai cơ sở sản xuất cáp tại Cherepovets, Volgograd (tr. 2–4).

Hãng công bố hệ thống quản lý theo ISO 9001:2015, ISO 45001:2018 và ISO 14001:2015 (tr. 5). Đây là thông tin công bố trong catalogue; chứng chỉ còn hiệu lực và phạm vi áp dụng cần được đối chiếu khi đặt hàng.

Cáp thép cho ngành dầu khí



Octopus là dòng cáp 6 tao và 8 tao dành cho ngành dầu khí. Catalogue có các cấu hình tao nén, lõi hỗn hợp và lựa chọn theo EN 12385-4 hoặc API 9A tùy mã sản phẩm.

Mã sản phẩm	Đặc điểm trong catalogue	Trang gốc
Octopus 6 / 6K	6x26 / 6xK26; 6K có tao ngoài nén	26, 28, 38–39
Octopus 626 / 626K	6 tao, lõi hỗn hợp; 626K có tao ngoài nén	29–30, 40–41
Octopus 619 / 619K	6x19; bản K có tao ngoài nén	31–32, 42–43
Octopus 631 / 631K	6x31; bản K có tao ngoài nén	33–34, 44–45
Octopus 817 / 817K	8x17; bản K có tao ngoài nén	35, 46–47
Octopus 826K	8x26, tao ngoài nén	48
Raising lines	Cáp dựng tháp giàn khoan; Ø 28–90 mm	49

Theo hãng, các thiết kế tao nén và lõi được bảo vệ hướng tới cải thiện lực kéo đứt, khả năng chịu mài mòn và tuổi thọ. Mức hiệu quả phụ thuộc cấu hình và điều kiện vận hành.

Khi hỏi hàng: cung cấp loại giàn khoan, vị trí sử dụng, Ø cáp, chiều dài cuộn, cấp bền, MBL, kiểu lõi, chiều bện và yêu cầu EN/API. Không áp dụng chứng nhận API chung cho mọi mã.

Cáp cần cẩu và thiết bị nâng



Anaconda có cấu hình 6 tao, 8 tao và nhiều lớp tao kháng xoay. Danh mục hãng phục vụ nhiều loại cần cẩu; lựa chọn theo sơ đồ cáp và yêu cầu của nhà sản xuất thiết bị.

Mã sản phẩm	Cấu hình nổi bật	Trang gốc
6K / 636K	6 tao nén; 6K lõi sợi, 636K có các cấu hình lõi	72–73
825	8 tao, kết cấu 8x25	74
826K / 826KP	8 tao nén; KP có lõi bọc nhựa	75–76
36 / 36K / 36KP	Nhiều tao kháng xoay; K tao nén; KP lõi bọc nhựa	77–79
19 / 19K	Nhiều tao kháng xoay, lớp 18x7 / 18xK7	80–81
34 / 34K	Nhiều tao kháng xoay, lớp 37(W)x7 / 37(W)xK7	82–83
431	4x31WS-FC dành cho sàn treo	84

Ứng dụng hãng giới thiệu gồm cần cẩu cảng, cẩu tháp, cẩu di động, cẩu bánh xích, cẩu ngoài khơi và thiết bị liên quan; từng mã có phạm vi riêng (tr. 71–84).

Cáp kháng xoay cần được lựa chọn cùng cấu hình thiết bị, chiều cao nâng và cách lắp đặt. Không suy từ tên dòng sản phẩm thành khả năng thay thế trực tiếp.

Cáp cho khai thác mỏ



Talpa được hãng phát triển cho khai thác hầm lò và lộ thiên, gồm cáp 6 tao, 8 tao và nhiều tao. Các lựa chọn tao nén, lõi bảo vệ và polymer được phân biệt theo từng mã.

Mã sản phẩm	Đặc điểm	Trang gốc
Talpa 6K	6 tao ngoài nén, lõi sợi	12
Talpa 636K / KF / KP	6 tao nén; KF chèn sợi; KP lõi bọc nhựa	13
Talpa Optima 636K / KF / KP	6 tao nén, cấu trúc lõi khác dòng 636K	14
Talpa 836K / KF / KP	8 tao ngoài nén; tùy chọn chèn sợi hoặc lõi bọc nhựa	15
Talpa PM	8 tao nén, có vỏ nhựa	16
Talpa 36 / 36K / 36KP	Nhiều tao kháng xoay; bản nén và lõi bọc nhựa	17–19
Talpa S3	3x7; cáp wireline cho máy khoan lỗ nổ mìn	20

Ví dụ đối chiếu ở Ø 39 mm, cấp bền 1770 N/mm²: hãng công bố MBL 972 kN cho 6x36WS-IWRC tiêu chuẩn, 1082 kN cho Talpa 636K và 1160 kN cho Talpa 836K (tr. 9).

Đây là so sánh tại một cấu hình cụ thể, không phải mức tăng chung cho toàn bộ danh mục.

Cáp thép cho thang máy



Alerion phân biệt cáp tải và cáp bộ hạn chế tốc độ. Catalogue trình bày lựa chọn lõi sợi hoặc lõi cáp thép, phù hợp các yêu cầu thiết kế khác nhau.

Dòng	Cấu hình và vai trò	Đường kính bảng gốc
Alerion 619	6x19W-FC, 6x19S-FC, 6x19M-FC; cáp bộ hạn chế tốc độ; tr. 54	6–22 mm*
Alerion 819	8x19S-FC / 8x19W-FC; cáp tải lõi sợi; EN 12385-5; tr. 55	8–16 mm
Alerion MC8	8x19S-IWRC / 8x19W-IWRC; cáp tải lõi thép; EN 12385-5; tr. 56	8–16 mm

Theo catalogue, Alerion 819 được giới thiệu cho chiều cao nâng ≤ 30 m; MC8 cho chiều cao > 30 m và thang máy dùng máy kéo không hộp số. Đây là mô tả ứng dụng của hãng, cần kiểm tra theo thiết kế thang thực tế.

*** Dải đường kính thể hiện các mức có trong bảng, không có nghĩa mọi đường kính trung gian hoặc mọi cấp bền đều có sẵn.**

Thông tin cần để lựa chọn

Hãng và model thang • chiều cao hành trình • đường kính và số lượng cáp • tỷ số truyền • puly kéo • loại máy kéo • thông số cáp đang sử dụng. Cáp bộ hạn chế tốc độ phải đối chiếu riêng với thiết bị tương ứng.

Cáp treo và cáp zipline



Triniks gồm cáp lõi HPC cho hệ thống cáp treo và dòng ZL cho đường chạy trolley, zipline. HPC được hãng mô tả là lõi polypropylene 3 hoặc 4 tao có lớp polymer đùn phủ.

Dòng	Kết cấu	Dải bảng gốc / trang
Triniks 67 HPC	6x7 + HPC	12–40 mm / 61
Triniks 619 HPC	6x19W hoặc 6x19S + HPC	12–60 mm / 62
Triniks 625 HPC	6x25F + HPC	12–60 mm / 63
Triniks 636 HPC	6x36WS + HPC	12–60 mm / 64
Triniks ZL I	1xK43; lớp ngoài nén	Bảng ZL chung** / 65
Triniks ZL II / III	1xK37 / 1xK55; lớp ngoài nén	Xác nhận theo mã / 65

Theo hãng, lõi HPC hướng tới ổn định đường kính, hỗ trợ phân bố tải và nâng đỡ tao ngoài. Dòng ZL được giới thiệu với mục tiêu vận hành êm và giảm mài mòn con lăn (tr. 59).

**** Trang 65 đưa bảng đường kính chung cho Triniks ZL, không tách rõ từng dòng I/II/III trong phần bảng. Cần xác nhận cấu hình cụ thể trước khi báo giá.**

Thiết kế cáp treo và zipline phải đối chiếu tải, nhịp, lực căng, puly/con lăn và phương án đầu nối; danh mục này không thay hồ sơ thiết kế.

Hàng hải và hạ tầng

Cáp cho hàng hải và thủy sản

Nhóm	Đặc điểm trong catalogue	Trang gốc
Cáp 3 tao đánh bắt thủy sản	Kết cấu 3x31(1+6+6/6+12)	90
Cáp hàng hải 6 tao nén	Kết cấu 6x26; các lựa chọn lõi sợi, lõi thép và lõi thép bọc nhựa	91

Catalogue giới thiệu khả năng chống ăn mòn, giảm mài mòn và giữ chất bôi trơn của cấu hình hàng hải. Cấu hình bề mặt và yêu cầu môi trường biển phải được xác định trong yêu cầu mua hàng.

Cáp cho hạ tầng đường bộ

Nhóm	Đặc điểm	Trang gốc
Cáp hàng rào an toàn đường bộ	Các cấu hình cáp và cáp nén cho road barriers	88
Cáp 3 tao	Phiên bản không nén và có nén	89

Cáp kín Full locked coil

Cáp có một hoặc nhiều lớp sợi định hình chữ Z phía ngoài. Các sợi Z liên kết với nhau tạo kết cấu lớp ngoài kín. Catalogue giới thiệu ứng dụng cáp treo và giếng mỏ (tr. 92).

Đường kính ví dụ hãng nêu: 33,0 và 37,0 mm cho cáp treo; 45,0 và 60,0 mm cho giếng mỏ. Đây là ví dụ cấu hình, không phải toàn bộ dải cung ứng.

Cáp xoắn và cáp tiêu chuẩn

Nhóm	Mã hoặc kết cấu	Lõi trong catalogue	Trang gốc
Cáp xoắn	1x7, 1x19, 1x37	EN 12385-10	93–94
6 tao	6x7	FC / WSC	95
6 tao	6x19S	FC / IWRC	96
6 tao	6x25F, 6x29F	FC / IWRC	97–98
6 tao	6x19W	FC / EPSFC / IWRC	99
6 tao	6x26WS, 6x31WS	FC / IWRC	100–101
6 tao	6x36WS	FC / IWRC / EPIWRC	102
6 tao	6x19M, 6x37M	FC / WSC*	103–104
8 tao	8x25F	IWRC / EPIWRC	105
8 tao	8x31WS, 8x36WS	IWRC	106–107

Các dòng cáp thông dụng trên được giới thiệu theo EN 12385-4. Mỗi bảng có đường kính, khối lượng và lực kéo đứt tối thiểu theo cấp bền; không chọn thay thế chỉ dựa vào cùng đường kính.

Thuật ngữ giúp đọc mã

FC: lõi sợi. IWRC: lõi cáp thép độc lập. WSC: lõi tao thép. EPSFC: lõi sợi bọc polymer. EPIWRC: lõi cáp thép độc lập bọc polymer. S, W, F, WS là ký hiệu kết cấu sợi trong tao; giữ nguyên khi đặt hàng.

* Trang 104 ghi tiêu đề WSC nhưng công thức thể hiện lõi 7x7. Cần hãng xác nhận tên lõi đúng của 6x37M trong datasheet đặt hàng.

Hoàn thiện theo yêu cầu sử dụng

Các sản phẩm liên quan hãng giới thiệu

Nhóm	Phạm vi trong catalogue
Sling nâng hàng	Sling cáp thép, sling xích, sling vải
Đầu cáp và phụ kiện	Đầu nối, phụ kiện lắp cáp; thiết kế đầu cáp theo yêu cầu
Phụ kiện sling	Phụ kiện sling cáp thép; phụ kiện xích cấp 8 và cấp 10
Thiết bị nâng liên quan	Bộ nâng, pa lăng, tời, kích, dầm nâng và hệ thống cẩu

Dịch vụ do hãng công bố

Lựa chọn cáp theo điều kiện làm việc; cắt và cuốn cáp theo chiều dài; hoàn thiện đầu cáp; kéo căng trước; thử kéo và kéo đứt; kiểm tra không phá hủy bằng từ tính; bôi trơn lại; hỗ trợ kỹ thuật và theo dõi vận hành.

Catalogue nêu thiết bị thử tải kéo đến 500 tấn tại cơ sở hãng (tr. 114). Con số này là khả năng thiết bị thử được giới thiệu, không phải tải làm việc của cáp hoặc sling.

Xác nhận phạm vi trong báo giá

Các dịch vụ trên thuộc năng lực hãng được mô tả trong catalogue. Khả năng thực hiện tại Việt Nam, nhân sự, địa điểm, tiến độ và chi phí cần được xác nhận riêng. Không mặc định tất cả dịch vụ đi kèm đơn hàng.

Với sling: cần khai báo WLL yêu cầu, số nhánh, góc làm việc, chiều dài hữu ích và kiểu đầu nối. Cấu hình hoàn thiện cần có xác nhận kỹ thuật trước khi sử dụng.

Đọc thông số trước khi đặt hàng

Ví dụ số liệu hãng công bố

Cấu hình	Ø / cấp bền	Khối lượng	MBL
6x31WS-IWRC tiêu chuẩn	25 mm / 1770 N/mm²	2,66 kg/m	531 kN
Octopus 6K	25 mm / 1770 N/mm²	2,72 kg/m	542 kN
Octopus 817K	25 mm / 1770 N/mm²	2,78 kg/m	548 kN
Alerion 819	8 mm / 1570 N/mm²	0,22 kg/m	29,4 kN
Alerion MC8	8 mm / 1570 N/mm²	0,26 kg/m	35,8 kN

Nguồn: Octopus tr. 25; Alerion tr. 55–56. Các giá trị được giữ theo catalogue, không suy rộng sang đường kính, lõi hoặc cấp bền khác.

MBL khác tải làm việc

MBL là lực kéo đứt tối thiểu, biểu thị bằng kN. Không dùng trực tiếp MBL làm tải nâng cho phép. Tải làm việc phụ thuộc thiết kế thiết bị, hệ số an toàn, số nhánh cáp, đầu nối và điều kiện vận hành.

Bốn điểm cần thống nhất

1. Cùng đường kính chưa đồng nghĩa cùng khả năng thay thế.
2. Cấp bền của dây không phải tải nâng của thiết bị.
3. Cáp tao nén và cáp kháng xoay là hai đặc tính khác nhau.
4. Khối lượng trong catalogue có bảng theo 100 m, 1000 m hoặc 1 m; cần giữ đúng đơn vị khi đối chiếu.

Nội dung diễn giải kỹ thuật ở trang này nhằm hỗ trợ trao đổi mua hàng; lựa chọn cuối cùng cần được bộ phận kỹ thuật và nhà sản xuất thiết bị xác nhận.

Gửi thông số để nhận báo giá

Quý Khách vui lòng gửi yêu cầu đến pt.co.vnn@gmail.com hoặc liên hệ (0254) 3853 466. Có thể đính kèm ảnh nhãn cuộn cáp, datasheet hoặc mã cáp đang sử dụng để đối chiếu.

Thông tin	Nội dung khách hàng cung cấp
Công ty và người liên hệ	.....
Điện thoại / email	.....
Thiết bị và vị trí dùng cáp	.....
Hãng / model thiết bị	.....
Mã cáp / tiêu chuẩn	.....
Đường kính và kiểu lõi	.....
Chiều dài mỗi đoạn / số lượng	.....
Cấp bền và MBL yêu cầu	.....
Chiều bện / kiểu bện	.....
Mạ / bôi trơn / đầu cáp	.....
Chứng từ và kiểm tra yêu cầu	.....
Nơi giao / thời gian cần hàng	.....

Trường hợp chưa có đủ thông số, vui lòng gửi tài liệu thiết bị và ảnh cáp hiện hữu. Giá, thuế, vận chuyển, thời gian giao, điều kiện thanh toán, bảo hành và chứng từ sẽ thể hiện trong báo giá chính thức.

Phạm vi hồ sơ và tài liệu gốc

Hồ sơ được biên soạn bằng tiếng Việt từ tài liệu “01. Severstal Catalog.pdf” do Quý Công ty cung cấp, gồm 116 trang. Số trang gốc trong hồ sơ này là số trang PDF, đồng thời trùng số in ở các trang nội dung được dẫn.

Bản đồ tra cứu catalogue

Nội dung	Trang gốc
Giới thiệu hãng, nhà máy và hệ thống quản lý	2–6
Talpa cho khai khoáng	7–21
Octopus cho dầu khí	23–49
Alerion cho thang máy	51–56
Triniks cho cáp treo	57–65
Anaconda cho cần cẩu và nâng hạ	67–85
Cáp hạ tầng, hàng hải và cáp kín	88–92
Cáp xoắn và cáp thông dụng	93–107
Trung tâm kỹ thuật và dịch vụ	108–114

Hình ảnh minh họa được trích từ catalogue hãng tại các trang 7, 23, 51, 57 và 67. Các mô tả ưu điểm là nội dung hãng công bố, không phải kết quả thử nghiệm độc lập của đơn vị biên soạn.

Danh mục này tập trung vào cáp thép và sản phẩm nâng hạ liên quan. Các ngành hàng dây thép, lưới, đinh, chi tiết dập nguội và bulông mà hãng nhắc ở trang 2 không có bảng sản phẩm chi tiết trong catalogue này nên không được mở rộng thành danh mục chào hàng.

Tư cách nhà phân phối được trình bày theo thông tin Quý Công ty cung cấp. Hồ sơ không khẳng định quyền phân phối độc quyền, hàng sẵn kho hoặc thời hạn hiệu lực chứng nhận. Mọi quy cách và hồ sơ nghiệm thu cần được xác nhận theo từng đơn hàng.

Liên hệ Công ty Kỹ thuật P.T

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT P.T

Nhà phân phối cáp thép Severstal-metiz

Quý Khách cần lựa chọn cáp cho thiết bị mới, thay thế cáp hiện hữu hoặc lập kế hoạch mua hàng cho dự án, vui lòng gửi yêu cầu đến Công ty TNHH Kỹ thuật P.T để trao đổi cấu hình và báo giá.

Thông tin doanh nghiệp	Nội dung
Tên doanh nghiệp	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT P.T
Mã số thuế	3500430888
Địa chỉ	398 Lê Hồng Phong, Phường Vũng Tàu, TP Ho Chi Minh
Điện thoại	(0254) 3853 466
Fax	(0254) 3859 708
Email	pt.co.vnn@gmail.com
Số tài khoản	008 100 0853459
Ngân hàng	Vietcombank

Gửi yêu cầu kỹ thuật và báo giá

Email: pt.co.vnn@gmail.com
Điện thoại: (0254) 3853 466

Để thuận tiện đối chiếu, Quý Khách có thể sử dụng tiêu đề email: Yêu cầu báo giá cáp thép Severstal Metiz - Tên công ty - Loại thiết bị.

Thông tin kèm theo: mã cáp hoặc ảnh nhãn cáp, đường kính, chiều dài, số lượng, loại thiết bị, tiêu chuẩn và thời gian cần hàng. Phiếu yêu cầu báo giá tại trang 12 có thể dùng làm biểu mẫu gửi lại.

Công ty TNHH Kỹ thuật P.T trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý Khách hàng.